

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04/3/2022

“V/v ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Cẩm Hà

Ông Nguyễn Văn Cho

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021 về "ly hôn, nuôi con chung".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Thái Thị Hồng T**, sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ1, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh **Bùi Văn M**, sinh năm 1992

HKTT: ấp C, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp Đ, xã Đ1, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Thái Thị Hồng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh M kết hôn với nhau từ năm 2011, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 12/12/2013 tại UBND xã V. Trong

quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp nhau, suy nghĩ khác nhau, anh M hay uống rượu bia rồi ghen tuông vô cớ, có lời lẽ hăm dọa giết chị. Chị sợ quá nên phải về nhà cha mẹ ruột sinh sống gần 8 tháng nay. Chị đã cho anh M nhiều cơ hội nhưng anh M không sửa chữa, chị đã suy nghĩ kỹ không thể sống chung được nữa, không thể cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nên chị khởi kiện xin ly hôn để mỗi người có cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị và anh M có 02 người con chung là Bùi Thị Thanh N, sinh ngày 05/12/2011 và Bùi Thái Nguyệt T1, sinh ngày 23/8/2017, hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn cháu N có nguyện vọng sống chung với chị. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Bị đơn anh Bùi Văn M trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian sống chung, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung nhà cha mẹ anh ở ấp C, xã V. Quá trình chung sống vợ chồng cũng có cự cãi, vì buồn quá nên anh có hay uống rượu bia, vì thương vợ quá nên anh cũng có ghen tuông, có lần nói đùa làm vợ không hài lòng. Khi vợ bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống thì anh cũng đã cố gắng sửa đổi rất nhiều để vợ chồng có thể hàn gắn lại với nhau. Vì còn thương vợ, thương con nên anh không đồng ý ly hôn, anh hứa sẽ cố gắng sửa chữa những điều vợ không hài lòng để tiếp tục sống chung với nhau, cùng nhau xây dựng gia đình và nuôi dưỡng con chung. Xin chị T cho anh cơ hội để hàn gắn.

Vì anh không đồng ý ly hôn nên anh không trình bày về việc giao con chung cho ai nuôi. Anh và chị T đều làm nghề nông, thu nhập trung bình đủ phục vụ cuộc sống hằng ngày.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với anh M; khi ly hôn yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh M cho rằng còn thương vợ, thương con, nếu chị T cương quyết ly hôn thì tùy Tòa án xem xét. Trường hợp ly hôn thì anh cũng đồng ý để chị T tiếp tục nuôi dưỡng hai con, anh không cấp dưỡng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh M không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân, chị T và anh M chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn năm 2013 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Nguyên nhân dẫn đến ly hôn, chị T cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không hòa hợp nhau về suy nghĩ, tính cách, thường hay cãi nhau, anh M hay uống rượu bia rồi ghen tuông vô cớ, có lời lẽ hăm dọa giết chị. Anh chị cũng dành cho nhau cơ hội hàn gắn nhưng không có kết quả, không thể cùng nhau xây dựng gia đình. Anh chị đã ly thân gần 8 tháng, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Còn anh M trình bày quá trình chung sống vợ chồng cũng có cự cãi, vì buồn quá nên anh có hay uống rượu bia, vì thương vợ quá nên anh cũng có ghen tuông, có lần nói đùa làm vợ không hài lòng. Khi vợ bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống thì anh cũng đã cố gắng sửa đổi rất nhiều để vợ chồng có thể hàn gắn lại với nhau. Vì còn thương vợ, thương con nên anh không đồng ý ly hôn. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhằm động viên anh chị trở về chung sống, tiếp tục xây dựng gia đình nhưng chị T không đồng ý. Tòa án cũng cho thời gian để anh chị hàn gắn, khắc phục mâu thuẫn gia đình để tiếp tục sống chung nhưng không có kết quả, tại phiên tòa chị T vẫn cương quyết ly hôn.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh M không đảm bảo theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng, Hội đồng xét xử có căn cứ để cho rằng hôn nhân giữa anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, anh chị đã sống ly thân thời gian dài nhưng không khắc phục được mâu thuẫn để vợ chồng tiếp tục chung sống, gia đình hai bên cũng khuyên nhủ nhưng không có kết quả, chị T vẫn cương quyết ly hôn nên không có khả năng đoàn tụ. Do đó, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T với anh M.

[3] Về con chung, chị T và anh M có 02 người con chung là Bùi Thị Thanh N, sinh ngày 05/12/2011 và Bùi Thái Nguyệt T1, sinh ngày 23/8/2017, hiện đang sống chung với chị T. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Xét thấy, cháu N có nguyện vọng sống chung với chị T, còn cháu T1 hiện nay cũng đang được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Anh M cũng đồng ý để chị T tiếp tục nuôi dưỡng hai con. Chị T có đủ điều kiện nuôi con, đồng thời cũng phù hợp với quyền lợi về mọi mặt của con nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thỏa thuận của anh chị để chị T được tiếp tục nuôi dưỡng con là Bùi Thị Thanh N và Bùi Thái Nguyệt T1. Anh M có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở. Trường hợp chị T vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì anh M có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng, không ai yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung, chị T và anh M đều khai không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí, nguyên đơn chị T phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Thái Thị Hồng T được ly hôn với anh Bùi Văn M.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Bùi Thị Thanh N, sinh ngày 05/12/2011 và Bùi Thái Nguyệt T1, sinh ngày 23/8/2017 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh M có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở. Trường hợp chị T vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì anh M có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng, không ai yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị T và anh M đều khai không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí xin ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0005044 ngày 22/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Bảnh